

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau
5 năm, giai đoạn 2011 - 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa VII, kỳ họp thứ 18 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau 5 năm, giai đoạn 2011 - 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1983/KHĐT-TH ngày 27/12/2011 (kèm theo Công văn số 524/STP-XD&THVB ngày 19/9/2011 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau 5 năm, giai đoạn 2011 - 2015),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau 5 năm, giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau căn cứ vào các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau 5 năm, giai đoạn 2011 - 2015 để xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định. Đồng thời thường xuyên theo dõi, đánh giá tình hình kết quả thực hiện kế hoạch theo từng năm và cả giai đoạn 5 năm (2011 - 2015) báo cáo UBND tỉnh; trong trường hợp có sự biến động hoặc thay đổi lớn, cần chủ động tham mưu, đề xuất UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VP Chính phủ;
- Bộ KH và Đầu tư; Báo cáo
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- CV phòng TH;
- Cổng TTĐT tỉnh; Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, Mi25/02.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Phạm Thành Tươi

**KẾ HOẠCH
Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau
5 năm, giai đoạn 2011 - 2015**

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau 5 năm 2011 - 2015 có ý nghĩa và vai trò đặc biệt quan trọng nhằm góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ XIV, phấn đấu sớm đưa Cà Mau trở thành tỉnh phát triển trung bình khá của cả nước.

**Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
TỈNH CÀ MAU 5 NĂM 2006 - 2010**

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau 5 năm 2006 - 2010 được triển khai thực hiện trong bối cảnh có những thuận lợi cơ bản, nhưng cũng có nhiều khó khăn, thách thức. Ngay từ đầu triển khai kế hoạch, kinh tế - xã hội trong nước và trong tỉnh phát triển thuận lợi; tuy nhiên từ cuối năm 2007, do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, lạm phát và suy giảm kinh tế trong nước nên tình hình kinh tế của tỉnh cũng gặp khó khăn nhưng với sự hỗ trợ của Trung ương, sự chỉ đạo điều hành của chính quyền các cấp, các ngành, sự nỗ lực của các thành phần kinh tế và nhân dân trong tỉnh đã phấn đấu, vượt qua khó khăn, thách thức, từ cuối năm 2009 đến cuối năm 2010, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh được cải thiện, góp phần hoàn thành nhiều chỉ tiêu quan trọng của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010.

I. VỀ KINH TẾ

1. Tăng trưởng kinh tế

Nền kinh tế của tỉnh tiếp tục đạt nhiều thành tựu quan trọng, phát triển nhanh và khá toàn diện, liên tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong cả giai đoạn, tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) năm 2010 đạt 14.650 tỷ đồng (giá cố định); quy mô nền kinh tế năm 2010 gấp 1,9 lần so với năm 2005 (7.673 tỷ đồng), tốc độ tăng bình quân 13,8%/năm. Trong đó:

- + Khu vực ngư - nông - lâm nghiệp tăng bình quân 6,8%/năm.
- + Khu vực công nghiệp - xây dựng tăng bình quân 23,5%/năm.
- + Khu vực dịch vụ tăng bình quân 13,4%/năm.

Với những thành quả của quá trình phát triển, kinh tế liên tục tăng trưởng cao trong nhiều năm nên đời sống của người dân cũng tăng nhanh. Nếu GDP bình quân đầu người năm 2005 chỉ đạt 9,2 triệu đồng thì đến năm 2010 đạt 20,22 triệu đồng (gấp 2,2 lần), tương đương 1.037 USD, thuộc nhóm các tỉnh có thu nhập trung bình của cả nước.

2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; tỷ trọng của khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GDP ngày càng tăng, tương ứng tỷ trọng của khu vực nông nghiệp ngày càng giảm. Tỷ trọng khu vực nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế giảm từ 52,46% năm 2005 xuống còn 39,24% năm 2010; tỷ trọng công nghiệp - xây dựng tăng từ 24,21% lên 36,62%; dịch vụ tăng từ 23,33% lên 24,14%.

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của khu vực nông nghiệp và công nghiệp - xây dựng đạt mục tiêu (đến năm 2010 tỷ trọng của khu vực nông nghiệp giảm còn 39,24% so với mục tiêu dưới 41%; tỷ trọng của khu vực công nghiệp - xây dựng tăng lên 36,62% so với mục tiêu trên 31%). Tuy cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng nhưng còn chậm, tỷ trọng của khu vực nông nghiệp còn cao (chiếm tỷ trọng 39,24% GDP), tỷ trọng khu vực dịch vụ mới đạt 24,14% GDP (cả nước đạt 38,33% GDP). Trong từng khu vực kinh tế quá trình chuyển dịch cũng chưa thể hiện rõ nét; trong công nghiệp, lĩnh vực chế biến thủy sản và sản xuất điện chiếm trên 95% giá trị sản xuất toàn ngành, các ngành công nghiệp khác chiếm tỷ trọng nhỏ; một số ngành dịch vụ như: ngân hàng, viễn thông, bảo hiểm, vận tải... phát triển nhanh nhưng chiếm tỷ trọng còn thấp trong GDP.

3. Phát triển các vùng kinh tế

Quy hoạch phân vùng kinh tế của tỉnh đã được điều chỉnh trong Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau đến năm 2020 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 163/2008/QĐ-TTg ngày 11/12/2008) từ 3 vùng thành 2 vùng gồm: vùng kinh tế nội địa, vùng kinh tế biển và ven biển để phù hợp với Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 và đang được triển khai thực hiện; tiềm năng, lợi thế của từng vùng từng bước được phát huy.

Các vùng kinh tế đã và đang phát triển theo định hướng và mục tiêu quy hoạch, mỗi vùng đã có những bước phát triển khá rõ. Theo đó vùng nội địa đã tập trung phát triển dịch vụ, công nghiệp, xây dựng, nâng cấp hạ tầng đô thị; vùng biển và ven biển phát triển thủy sản, du lịch, công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng; tốc độ tăng trưởng kinh tế vùng nội địa đạt khoảng 10%, vùng biển và ven biển đạt khoảng 19%. Tỷ trọng GDP của vùng kinh tế biển và ven biển đã tăng từ khoảng 45,7% năm 2005 lên 53,5% năm 2009 và đạt 55% năm 2010 trong cơ cấu nền kinh tế của tỉnh.

Giữa các vùng kinh tế của tỉnh đang có sự gắn kết phát triển, nhiều tuyến giao thông kết nối từ ven biển vào trong nội địa đang được xây dựng, nâng cấp để kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng an ninh, phục vụ cứu hộ cứu nạn (tuyến đường Sông Đốc - Rạch Ráng - Tắc Thủ, Khánh Hội - U Minh - Tắc Thủ, Đá Bạc - Cơi Năm - Co Xáng, Cái Đôi Vàm - Vàm Đình...).

4. Sản xuất ngư, nông, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới

Sản xuất ngư - nông - lâm nghiệp phát triển ổn định. Việc ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, công tác phòng trừ dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi được chú trọng.

Thủy sản:

Diện tích nuôi trồng thủy sản tiếp tục tăng, đạt 296.300 ha (trong đó diện tích nuôi tôm 266.592 ha), chủ yếu là nuôi tôm quảng canh và nuôi tôm sinh thái, năng suất bình quân đạt 400 kg/ha, diện tích nuôi tôm công nghiệp đến cuối năm 2010 đạt 1.751 ha. Phong trào nuôi cá chình, cá bống tượng phát triển mạnh, đạt trên 1.500 ha và kết hợp nuôi các loài thủy sản khác cũng phát triển, từng bước thoát thế độc canh con tôm.

Đề án nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong sản xuất tôm, lúa của tỉnh Cà Mau giai đoạn 2009 - 2012, định hướng đến năm 2015 triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch; tổ chức tập huấn cho các hộ nuôi tôm, trồng lúa nắm vững các quy trình kỹ thuật cơ bản trong sản xuất; ứng dụng công nghệ, cơ giới vào sản xuất để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả, giảm thất thoát sau thu hoạch.

Công tác khuyến ngư, ứng dụng khoa học công nghệ trong nuôi trồng thủy sản từng bước được nhân rộng, kỹ thuật và kinh nghiệm sản xuất của nhân dân được nâng lên. Cơ sở hạ tầng phục vụ vùng nuôi được quan tâm đầu tư, nhất là thủy lợi; công tác quản lý chất lượng con giống thủy sản được tăng cường, nhờ đó đã hạn chế đáng kể tình trạng tôm nuôi bị chết, nâng cao hiệu quả sản xuất. Giá trị thu nhập bình quân/1 ha nuôi thủy sản năm 2010 đạt khoảng 42 triệu đồng/ha (so với chỉ tiêu 50 triệu đồng/ha).

Nghề khai thác biển mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng đa số ngư dân vẫn bám biển khai thác thủy sản, kết hợp với bảo vệ chủ quyền vùng biển. Tổng số tàu khai thác thủy sản đến cuối năm 2010 có 5.016 chiếc/395.576 CV, trong đó có 1.314 tàu có khả năng khai thác xa bờ.

Tổng sản lượng thủy sản năm 2010 đạt 387.070 tấn (chỉ tiêu 390.000 tấn); trong đó sản lượng tôm đạt 122.960 tấn (chỉ tiêu 145.000 tấn).

Nông nghiệp:

Sản xuất nông nghiệp từng bước phục hồi và phát triển, nhất là cây lúa, một số giống lúa mới được đưa vào sản xuất có hiệu quả, diện tích sản xuất luân canh một vụ lúa trên đất nuôi tôm tăng cao, là hướng phát triển bền vững được nhân dân hưởng ứng. Diện tích canh tác lúa tăng thêm gần 20.000 ha, diện tích gieo trồng lúa năm 2010 đạt 125.581 ha, sản lượng lúa năm 2010 đạt 498.000 tấn (chỉ tiêu diện tích gieo trồng lúa 125.000 ha; sản lượng lúa bình quân hàng năm từ 450.000 - 500.000 tấn). Sản xuất hoa màu và một số cây trồng khác được đầu tư, phát triển ở một số khu vực.

Đàn gia súc, gia cầm tuy bị ảnh hưởng nhiều do dịch bệnh nhưng quy mô đàn vẫn được duy trì, đàn heo trên 217.000 con, đàn gia cầm trên 1,46 triệu con.

Các loại hình dịch vụ sản xuất nông nghiệp được mở rộng, công tác khuyến nông, thú y, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

Cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp, cơ cấu năm 2010: trồng trọt 70%, chăn nuôi 20% và dịch vụ nông nghiệp 10%. Giá trị thu nhập bình quân trên đất nông nghiệp đạt gần 40 triệu đồng/ha/năm (chỉ tiêu 45 triệu đồng/ha/năm).

Lâm nghiệp:

Đã thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý, sản xuất lâm nghiệp theo hướng tập trung đầu mối (2 doanh nghiệp), đẩy mạnh công tác giao đất rừng cho các hộ dân, triển khai lập quy hoạch Đề án tổ chức sản xuất và bố trí lại khu vực dân cư khu vực rừng tràm.

Công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng có tiến bộ; số vụ vi phạm Luật Bảo vệ rừng giảm rõ rệt; công tác phòng chống cháy rừng được chủ động.

Diện tích trồng rừng mới hàng năm đạt trên 2.000 ha, diện tích có rừng tập trung năm 2010 đạt 100.386 ha (thấp hơn chỉ tiêu 110.000 ha, do có sự điều chỉnh quy hoạch lại 3 loại rừng). Tỷ lệ che phủ rừng và cây phân tán đạt 19,8% tổng diện tích tự nhiên.

5. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển nhanh, quy mô ngày càng lớn, trong đó đóng góp lớn nhất là ngành công nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu (đến cuối năm 2010 có 27 doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu với 35 xí nghiệp, tổng công suất chế biến 185.000 tấn/năm, tăng gần 1,7 lần so với năm 2005) và cụm công nghiệp Khí - Điện - Đạm (02 nhà máy điện với tổng công suất 1.500 MW và nhà máy Đạm công suất 800.000 tấn/năm).

Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2010 đạt 15.640 tỷ đồng (giá 1994), bình quân giai đoạn 2006 - 2010 tăng 18,2%/năm, đứng thứ 3 trong khu vực ĐBSCL và thứ 16 cả nước, quy mô tăng gấp 2,3 lần năm 2005 (6.777 tỷ đồng).

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp ở khu vực đô thị, làng nghề nông thôn được duy trì và phát triển khá, cung ứng nhiều loại thiết bị, công cụ lao động và hàng gia dụng phục vụ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trong tỉnh.

6. Thương mại, Dịch vụ

Hệ thống mạng lưới bán buôn, bán lẻ được đầu tư phát triển ở cả đô thị và nông thôn, các thành phần kinh tế đã đầu tư mở nhiều cửa hàng bán lẻ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ giai đoạn 2006 - 2010 đạt gần 84.000 tỷ đồng, tăng bình quân 20,3%/năm.

Công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu, cơ cấu thị trường xuất khẩu được các doanh nghiệp quan tâm điều chỉnh phù hợp. Kim ngạch xuất khẩu năm 2010 đạt 863 triệu USD (chỉ tiêu 1 tỷ USD), tổng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2006 - 2010 đạt trên 3,3 tỷ USD, bình quân tăng 10%/năm.

Chất lượng dịch vụ được nâng lên, tỷ lệ giá trị dịch vụ thương mại theo các phương thức hiện đại ngày càng tăng, bước đầu đã tiếp cận với phương thức thương mại điện tử.

Du lịch sinh thái và du lịch biển đảo đang được các thành phần kinh tế đầu tư, nhiều dự án khu, điểm du lịch đi vào hoạt động (Khu du lịch Mũi Cà Mau, Khai Long, Đá Bạc...), số lượng khách du lịch tăng nhanh, năm 2010 đạt trên 760.000 lượt khách, trong đó có 14.600 lượt khách quốc tế.

Các loại hình dịch vụ vận tải, bưu chính - viễn thông, bảo hiểm... phát triển nhanh, chất lượng dịch vụ ngày càng cao.

7. Tài chính - Tín dụng

Tổng thu ngân sách 5 năm đạt 7.600 tỷ đồng (chỉ tiêu 6.000 tỷ đồng); trong đó: năm 2010 thu 2.456 tỷ đồng (chỉ tiêu năm 2010 thu 1.600 tỷ đồng). Tỷ lệ huy động ngân sách so với GDP năm 2010 đạt 10% (so với chỉ tiêu 8,4%).

Tổng chi ngân sách 5 năm đạt 13.956 tỷ đồng; trong đó năm 2010 chi 4.168 tỷ đồng (chỉ tiêu năm 2010 chi 2.400 tỷ đồng).

Việc quản lý, điều hành thu chi ngân sách đã được thực hiện khá tốt, tích cực huy động các nguồn thu theo đúng chính sách thuế, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi tiêu ngân sách.

Các ngân hàng hoạt động có hiệu quả, huy động vốn và tổ chức tốt các dịch vụ tín dụng phục vụ sản xuất kinh doanh, thực hiện chủ trương kích cầu đầu tư để duy trì tăng trưởng kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội. Tổng số dư nợ tín dụng ngân hàng năm 2010 đạt 12.434 tỷ đồng, tăng gấp hơn 2 lần tổng dư nợ năm 2005.

8. Đầu tư phát triển

Đã huy động nhiều nguồn vốn đầu tư, cải thiện đáng kể điều kiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh, nhiều dự án công trình hạ tầng quan trọng đã và đang được đầu tư, phát huy hiệu quả, tăng thêm năng lực phát triển kinh tế xã hội.

Các dự án do Trung ương đầu tư trên địa bàn tỉnh góp phần cải thiện kết cấu hạ tầng như: cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau đã được đầu tư đưa vào hoạt động, gồm: đường ống dẫn khí PM3, 02 nhà máy điện với tổng công suất 1.500 MW (sản lượng điện sản xuất năm 2010 đạt 9,1 tỷ KWh, chiếm trên 10% tổng sản lượng điện sản xuất của cả nước), nhà máy Đạm Cà Mau với công suất 800.000 tấn/năm đang xây dựng (hoàn thành cuối năm 2011); hoàn thành 06 cầu trên tuyến Quốc lộ 1A đoạn Đầm Cùng - Năm Căn, cầu Gành Hào 2, tuyến đường Quán Lộ - Phụng Hiệp trên địa bàn tỉnh; đang thi công tuyến đường Hồ Chí Minh, cầu Đầm Cùng...

Hệ thống giao thông đường bộ phát triển nhanh, đã cơ bản xây dựng được hệ thống đường từ tỉnh đến trung tâm các huyện (trừ huyện Ngọc Hiển), các cụm kinh tế ven biển. Chương trình xây dựng đường ô tô đến trung tâm các xã được triển khai đồng bộ, nhiều tuyến đã hoàn thành, các tuyến còn lại cũng xây dựng được nền đường. Đến cuối năm 2010 có 52/82 xã có đường ô tô đến trung tâm xã (tỷ lệ 63%), các tuyến khác đã được triển khai, đang tập trung đầu tư xây dựng.

Phong trào xây dựng đường giao thông nông thôn được cả hệ thống chính trị và nhân dân quan tâm, tích cực triển khai và đạt kết quả cao, khối lượng lớn đường và cầu nông thôn đã được xây dựng, nhiều nơi đã xây dựng được đường từ xã đến ấp, liên ấp. Đặc biệt đã triển khai thực hiện Đề án xây dựng 1.588 cây cầu giao thông nông thôn, góp phần thúc đẩy kinh tế-xã hội ở các vùng nông thôn phát triển, thay đổi diện mạo vùng nông thôn, được sự đồng thuận cao của nhân dân.

Hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất ngư nông lâm nghiệp tiếp tục được đầu tư cải thiện một bước. Hệ thống lưới điện nông thôn phát triển nhanh, tỷ lệ hộ dân sử dụng điện đến cuối năm 2010 đạt 94,68% (chỉ tiêu từ 90 - 95%).

Các khu, cụm công nghiệp đã được quy hoạch, tỉnh Cà Mau có 02 khu công nghiệp (Khánh An, Hòa Trung) và 02 cụm công nghiệp (Năm Căn, Sông Đốc) đã được thành lập với tổng diện tích quy hoạch đến năm 2020 là 1.477 ha. Mặc dù tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp còn chậm, nhưng tại một số khu đã thu hút và triển khai các dự án đầu tư, nhất là khu công nghiệp Hòa Trung, cụm công nghiệp Sông Đốc.

Kết cấu hạ tầng các ngành văn hóa - xã hội cũng được quan tâm đầu tư, nhiều công trình quan trọng như bệnh viện đa khoa tỉnh, một số khoa các bệnh viện huyện, hệ thống trạm y tế, trường học các cấp được xây dựng mới; một số huyện đã hình thành được trung tâm văn hóa thể thao (thành phố Cà Mau, huyện Thới Bình).

Hệ thống đô thị được mở rộng và phát triển, đã thành lập thêm một số đơn vị chính quyền đô thị, tỷ lệ dân số đô thị có tăng lên, hạ tầng đô thị được đầu tư chỉnh trang, nâng cấp, nhất là các đô thị động lực của tỉnh (thành phố Cà Mau đã được công nhận là đô thị loại II trong năm 2010).

9. Phát triển các thành phần kinh tế

Các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh ngày càng phát triển nhanh về số lượng và quy mô (ngoài trừ doanh nghiệp nhà nước do sắp xếp, cổ phần hóa nên số lượng doanh nghiệp giảm xuống), có doanh nghiệp đã đầu tư trực tiếp ra nước ngoài để mở rộng quy mô hoạt động và đưa hàng hóa bán trực tiếp ở thị trường nước ngoài.

Kinh tế nhà nước tiếp tục được sắp xếp, đổi mới theo Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đến nay, tỉnh Cà Mau thực hiện sắp xếp như sau: cổ phần hóa 20 đơn vị, sáp nhập 02 doanh nghiệp sau đó tiếp tục cổ phần hóa, chuyển 8 Lâm ngư trường, giải thể 4 doanh nghiệp, bán 01 doanh nghiệp, chuyển 4 Lâm ngư trường thành Ban Quản lý rừng phòng hộ, chuyển trực tiếp thành Công ty TNHH một thành viên: 02 doanh nghiệp.

Kinh tế dân doanh tiếp tục phát triển nhanh, số lượng doanh nghiệp thành lập mới ngày càng nhiều. Đến cuối năm 2010, tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là 3.740 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký 11.407 tỷ đồng, bình quân vốn đăng ký 3 tỷ đồng/doanh nghiệp. Đồng thời cũng đã thu hút đầu tư 98 dự án với tổng vốn đầu tư 38.089 tỷ đồng.

Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) còn thấp, đến nay tỉnh Cà Mau mới thu hút được 04 dự án FDI với tổng số vốn đăng ký 7,125 triệu USD, nhưng chỉ mới có 02 dự án triển khai.

Kinh tế tập thể còn chiếm tỷ trọng nhỏ trong nền kinh tế, toàn tỉnh hiện có 161 hợp tác xã với 3.459 xã viên và 3.263 tổ hợp tác với 79.591 thành viên và 02 Quỹ tín dụng nhân dân. Hoạt động của hợp tác xã và tổ hợp tác chủ yếu trong lĩnh vực thủy sản, nông nghiệp, vận tải, xây dựng, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ.

II. VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

1. Khoa học và Công nghệ

Đầu tư và nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất, nhất là công nghệ sinh học có nhiều tiến bộ. Một số đề tài, dự án nghiên cứu trên các lĩnh vực được ứng dụng vào thực tiễn, phát huy hiệu quả; nhiều mô hình sản xuất ngư - nông nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học, bền vững, hiệu quả cao được phổ biến thông qua công tác tập huấn cho nông dân, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong sản xuất. Ý thức của doanh nghiệp và người dân đầu tư đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất được nâng cao.

Công tác tư vấn về sở hữu trí tuệ có chuyển biến tích cực, người dân và doanh nghiệp ngày càng có ý thức về quyền lợi của việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước ngày càng có hiệu quả.

2. Giáo dục và Đào tạo

Quy mô các cấp học, ngành học được mở rộng, chất lượng, hiệu quả giáo dục được nâng lên. Giáo dục chuyên nghiệp và đào tạo, bồi dưỡng nghề phát triển khá. Xã hội hóa sự nghiệp giáo dục - đào tạo, hoạt động khuyến học và phong trào toàn dân học tập phát triển.

Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên các cấp học, bậc học được tăng cường cả về số lượng và chất lượng, đa số giáo viên các cấp đều đạt chuẩn quy định.

Chất lượng, hiệu quả giáo dục - đào tạo chuyển biến tích cực ở tất cả các bậc học, cấp học (kết quả đã phổ cập giáo dục Trung học cơ sở, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và xóa mù chữ, tỷ lệ lưu ban, bỏ học giảm, hiệu quả giáo dục được nâng lên).

Cơ sở vật chất và các điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục được quan tâm, công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia được chú trọng và triển khai tích cực, đến cuối năm 2010 trên địa bàn tỉnh đã công nhận 50 trường học đạt chuẩn quốc gia (bao gồm: 09 trường mầm non, 32 trường tiểu học và 09 trường THCS), bằng 10% tổng số trường học trong tỉnh.

3. Y tế

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ, mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở được đầu tư phát triển, cơ bản hoàn thành Đề án đạt chuẩn quốc gia về y tế xã; chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên. Đội ngũ y bác sỹ tăng về số lượng, nâng cao về trình độ; số bác sỹ được đào tạo sau đại học tăng nhanh; đến cuối năm 2010 bình quân có 6,2 bác sỹ, được sỹ đại học/1 vạn dân (chỉ tiêu 6,8), trên 90% trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ phục vụ; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 17,2% (chỉ tiêu 16%).

Ngành Y tế đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị; mạng lưới y tế được đầu tư củng cố từ các nguồn vốn, đặc biệt là vốn xổ số kiến thiết và vốn trái phiếu Chính phủ. Tiến độ đầu tư xây dựng Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia và xây dựng các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện được đẩy nhanh.

Công tác y tế dự phòng, kiểm soát dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm được phối hợp chỉ đạo, triển khai các biện pháp dự phòng tích cực, không để dịch bệnh và các vụ ngộ độc lớn xảy ra; kịp thời khống chế, đẩy lùi và hạn chế một số dịch bệnh nguy hiểm nên hầu hết các bệnh truyền nhiễm và bệnh dịch lây quan trọng giảm so cùng kỳ, riêng bệnh sốt xuất huyết và các bệnh đường hô hấp tăng so cùng kỳ nhưng không đáng kể.

Chủ trương xã hội hóa đầu tư phát triển lĩnh vực y tế có chuyển biến tốt; công tác quản lý hành nghề y được tư nhân được tăng cường.

4. Văn hóa, Thể thao

Các lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật, thể dục, thể thao, thông tin, báo chí, xuất bản được tăng cường, tạo nên những chuyển biến tích cực trong đời sống xã hội.

Các hoạt động văn hóa thông tin và thể thao ngày càng đa dạng hơn, góp phần xây dựng đời sống văn hóa, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Các thiết chế văn hóa thể thao trên địa bàn tỉnh được đầu tư xây dựng, nâng cấp như: thư viện tỉnh, sân vận động, một số trung tâm văn hóa thể thao cấp huyện, cấp xã...

Công tác xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở tiếp tục được đẩy mạnh, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở” đã triển khai rộng khắp. Đến cuối năm 2010 có 83% gia đình, 83,3% xóm ấp, 45,5% xã phường thị trấn đạt chuẩn văn hóa.

5. Lao động, Thương binh và Xã hội

Chính sách dân số, gia đình và trẻ em được các cấp ủy đảng, chính quyền tập trung chỉ đạo thực hiện, đạt kết quả tốt trên nhiều mặt; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên liên tục giảm, năm 2010 giảm còn 1,24% (chỉ tiêu đến năm 2010 giảm còn dưới 1,3%).

Chương trình giảm nghèo, giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội đạt kết quả khá cao. Số lao động được giải quyết việc làm bình quân hàng năm đạt từ 29 - 30 nghìn người (chỉ tiêu 26.000 người). Tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm giảm trên 2%, năm 2010 giảm còn 6,5% theo chuẩn nghèo giai đoạn 2006 - 2010 (chỉ tiêu dưới 10%).

Các chính sách về dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước như: hỗ trợ nhà ở, nước sinh hoạt, đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc được thực hiện khá tốt. Cơ bản hoàn thành chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát và hỗ trợ xây cất nhà ở cho hộ nghèo; tiếp tục thực hiện chương trình hỗ trợ nhà ở cho người có thu nhập thấp.

Công tác đền ơn đáp nghĩa đối với người có công được toàn xã hội quan tâm, các đối tượng chính sách được chăm sóc tốt hơn; đời sống vật chất, tinh thần được cải thiện.

Công tác bình đẳng giới có nhiều tiến bộ, vai trò và vị thế người phụ nữ ngày càng được nâng cao; tỷ lệ gia đình có nữ làm chủ hộ, cán bộ nữ trong đảng ủy, chính quyền các cấp tăng lên.

6. Thông tin và Truyền thông

Mạng viễn thông, internet tiếp tục phát triển, đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin của các tầng lớp nhân dân. Mạng viễn thông hiện có 849 trạm thu phát thông tin di động, tổng số thuê bao điện thoại đến cuối năm 2010 đạt 1.141.967 máy (trong đó: có 209.967 thuê bao điện thoại cố định và 932.000 thuê bao điện thoại di động), đạt mật độ 94 máy/100 người dân.

Tổng số thuê bao Internet đạt 21.385 thuê bao, trong đó thuê bao băng rộng ' ADSL 21.052 thuê bao

7. Quản lý, khai thác và bảo vệ tài nguyên

Chương trình phát triển bền vững của tỉnh đã được xây dựng, là định hướng cho các quy hoạch, kế hoạch phát triển của tỉnh. Các quy hoạch, kế hoạch phát triển đều quan tâm kết hợp đồng bộ các yếu tố về kinh tế - xã hội - môi trường.

Các nguồn tài nguyên quan trọng đã được tổ chức điều tra, đề xuất giải pháp quản lý, bảo vệ, khai thác hợp lý và có hiệu quả.

Công tác tìm kiếm cứu nạn, phòng tránh bão lụt, giảm nhẹ thiên tai, chống sạt lở được tăng cường và chủ động hơn.

III. Về Quốc phòng, an ninh, tôn giáo, cải cách hành chính.

1. Quốc phòng, an ninh

Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn tỉnh trong những năm qua luôn ổn định; công tác quốc phòng, quân sự địa phương được các cấp, các ngành triển khai thực hiện tốt; tuyển quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu.

Các lực lượng vũ trang được tăng cường nhận thức về xây dựng nền quốc phòng toàn dân; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc; luôn duy trì ca, kíp trực sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống; thường xuyên theo dõi nắm tình hình và tuần tra, canh gác bảo vệ an toàn tuyệt đối các khu vực đóng quân, những vị trí trọng yếu, các ngày lễ, tết; hệ thống thông tin liên lạc thông suốt, đảm bảo ngăn chặn, xử lý kịp thời, hiệu quả các vụ việc xảy ra trên địa bàn tỉnh.

2. Trật tự an toàn xã hội

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm được triển khai thực hiện tích cực. Các lực lượng vũ trang đã phối hợp triển khai nhiều kế hoạch, phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Thường xuyên nắm tình hình, phối hợp giải quyết các vụ tranh chấp khiếu kiện. Tăng cường các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh trấn áp các loại tội phạm theo tuyến, địa bàn, đối tượng; trấn áp các loại tội phạm hình sự. Tăng cường lực lượng điều tra, xử lý các băng nhóm tội phạm về tệ nạn xã hội, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

3. Công tác Tôn giáo

Tổ chức có hiệu quả các quy định của nhà nước về hoạt động tôn giáo, thường xuyên chỉ đạo các địa phương thực hiện tốt các nội dung yêu cầu của tôn giáo như: sinh hoạt điểm nhóm ngoài cơ sở thờ tự, thuyên chuyển chức sắc trong địa bàn huyện, thực hiện công tác từ thiện, các lễ nghi ngoài chương trình đăng ký hàng năm và các hoạt động tôn giáo phát sinh trong năm. Giải quyết phù hợp các vấn đề có liên quan đến hoạt động tôn giáo, đấu tranh có hiệu quả với các thế lực lợi dụng tôn giáo để chống phá sự ổn định chính trị, xã hội, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo có liên quan đến công tác tôn giáo.

4. Công tác cải cách hành chính

Tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh. Đến cuối năm 2010, toàn tỉnh đã có 18/18 đơn vị cấp tỉnh, 09/09 đơn vị cấp huyện và 101/101 đơn vị cấp xã thực hiện cơ chế một cửa (trong đó có 08/18 đơn vị cấp sở đã thực hiện liên thông trên một số lĩnh vực), đồng thời tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo kết quả của Đề án 30 đối với tất cả các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Đề án 30 của Chính phủ: tỉnh Cà Mau đã rà soát các thủ tục hành chính, kết quả kiến nghị giữ nguyên 88 thủ tục, kiến nghị sửa đổi, bổ sung 1.302 thủ tục, thay thế toàn bộ 16 thủ tục và bãi bỏ 116 thủ tục, đạt tỷ lệ đơn giản hóa trên 94%.

Tiếp tục củng cố vai trò, tính hiệu quả của việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 đối với các cơ quan nhà nước. Đến cuối năm 2010, có 11/18 đơn vị cấp tỉnh, 6/9 huyện, thành phố đã được cấp giấy chứng nhận ISO, còn lại các sở, ngành cấp tỉnh và các huyện đang xây dựng áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

I. Những kết quả đạt được

1. Tốc độ tăng trưởng cao và ổn định trong 5 năm (2006 - 2010), đã góp phần tăng tiềm lực cho nền kinh tế, quy mô của nền kinh tế ngày càng lớn, đóng góp vào sự phát triển chung của khu vực đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Mặc dù trải qua những thời điểm rất khó khăn do những tác động bên ngoài và cả những khó khăn bên trong nhưng vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng hàng năm trên 02 con số (bình quân tăng 13,5%/năm), đời sống nhân dân được nâng cao.

2. Cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch đúng hướng; thế mạnh và lợi thế so sánh của tỉnh đang khai thác có hiệu quả. Các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ có những bước tiến đáng kể, vai trò và vị thế của các ngành công nghiệp, dịch vụ đã được khẳng định, phù hợp với xu thế phát triển chung.

3. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư ngày càng nhiều, là động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Đời sống nông thôn ngày càng khởi sắc, khoảng cách phát triển giữa thành thị và nông thôn đã được rút ngắn dần.

4. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục ổn định và được giữ vững, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện.

II. Những tồn tại, yếu kém

1. Kinh tế tăng trưởng cao nhưng chưa bền vững. Khả năng cạnh tranh của các sản phẩm còn thấp. Năng suất lao động xã hội, năng suất cây trồng, vật nuôi thấp so với bình quân của vùng.

2. Khả năng hấp thụ vốn đầu tư còn hạn chế, một số dự án hạ tầng triển khai chậm, khá nhiều dự án đầu tư đã được cấp giấy phép đầu tư nhưng chưa triển khai hoặc thực hiện kéo dài; tiến độ xây dựng các khu, cụm công nghiệp chậm, giải pháp thu hút đầu tư chưa cụ thể làm hạn chế thu hút đầu tư. Công tác xúc tiến, lựa chọn nhà đầu tư còn hạn chế, chưa thật sự thu hút được những nhà đầu tư lớn có nguồn lực mạnh.

3. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư cải thiện khá nhiều, song chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, nhất là ở nông thôn, mức độ đạt được so với yêu cầu của Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới còn thấp.

4. Chất lượng, hiệu quả giáo dục - đào tạo - dạy nghề còn thấp, cơ cấu ngành nghề đào tạo chưa hợp lý. Ứng dụng khoa học - công nghệ vào đời sống chưa cao. Chất lượng xây dựng đời sống văn hóa còn thấp; các trung tâm sinh hoạt văn hóa - thể thao, công trình di tích lịch sử chậm được đầu tư; quản lý các hoạt động dịch vụ văn hóa còn lỏng lẻo. Cơ cấu và chất lượng lao động chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Nguy cơ tái nghèo cao, còn một bộ phận chưa nỗ lực phấn đấu thoát nghèo. Chương trình nhà ở xã hội triển khai thực hiện chậm. Khả năng kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường còn yếu.

Phần thứ hai
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH CÀ MAU
5 NĂM, GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH 5 NĂM 2011 - 2015

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, nâng cao hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển, huy động mọi nguồn lực của xã hội để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới; phấn đấu sớm đưa Cà Mau trở thành tỉnh phát triển trung bình khá của cả nước, hình thành cơ cấu kinh tế công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ, góp phần cùng cả nước ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội; đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

- Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) giá so sánh (1994) năm 2015 đạt khoảng 27.600 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 13,5%/năm. Trong đó: khu vực ngư - nông - lâm nghiệp tăng 6,2%, công nghiệp - xây dựng tăng 16,3%, dịch vụ tăng 17%.

- Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) giá hiện hành năm 2015 đạt khoảng 60.000 tỷ đồng.

- GDP bình quân đầu người năm 2015 đạt khoảng 46,8 triệu đồng (tương đương khoảng 2.150 USD).

- Cơ cấu kinh tế:

+ Công nghiệp - xây dựng: 42%;

+ Ngư - nông - lâm nghiệp: 30%;

+ Dịch vụ: 28%.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội chiếm 38,5% GDP/năm.

- Tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm đạt từ 05 tỷ USD trở lên.

- Tổng thu ngân sách 5 năm khoảng 17.000 tỷ đồng.

- Tổng chi ngân sách 5 năm khoảng 25.000 tỷ đồng.

- Sản lượng lúa năm 2015 đạt 600.000 tấn.

- Sản lượng thủy sản năm 2015 đạt 450.000 tấn; trong đó sản lượng tôm đạt 180.000 tấn.

- Diện tích nuôi tôm công nghiệp đến năm 2015 đạt 10.000 ha.

- Đến năm 2015 xây dựng 22 xã đạt tiêu chí nông thôn mới và ít nhất 30 xã đạt 12/19 tiêu chí xã nông thôn mới.

- Tỷ lệ huyện, thành phố hình thành được Trung tâm Văn hóa - Thể thao năm 2015: 100%.

- Tỷ lệ đơn vị cấp xã hình thành được Trung tâm Văn hóa - Thể thao năm 2015: 85%.

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2015 đạt 70%.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2%/năm.

- Trong 5 năm tạo việc làm cho khoảng 166.000 người.

- Dạy nghề, bồi dưỡng và truyền nghề trong 5 năm đạt khoảng 173.000 người.

- Năm 2015, tỷ lệ lao động xã hội qua đào tạo, dạy nghề đạt 60%.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng năm 2015 giảm còn 14%.

- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện năm 2015 từ 97% trở lên.

- Diện tích nhà ở bình quân đầu người năm 2015 là 17m²/người.

- Diện tích có rừng tập trung năm 2015: 105.000 ha. Trồng rừng mới trong 5 năm đạt 2.500 ha.

- Tỷ lệ che phủ của rừng và cây phân tán năm 2015 đạt 24%.

- Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đến năm 2015 ở thành thị đạt 100%, ở nông thôn đạt 90%.

- Tỷ lệ chất thải rắn các khu công nghiệp và đô thị được thu gom, xử lý đúng quy định năm 2015 đạt 99%.

- Tỷ lệ chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đúng quy định năm 2015 đạt 100%.

II. Định hướng và giải pháp phát triển các ngành, lĩnh vực

1. Sản xuất ngư, nông, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới

- Thủy sản: phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững, năng suất và hiệu quả; từng bước hình thành những vùng nuôi tập trung áp dụng công nghệ tiên tiến, nhằm kiểm soát và xử lý kịp thời dịch bệnh tôm, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái, tăng nguồn cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến và đáp ứng yêu cầu của các nhà nhập khẩu.

Mở rộng và phát triển diện tích nuôi tôm công nghiệp, triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ nuôi tôm công nghiệp (lưới điện, thủy lợi, giao thông...), triển khai thực hiện cơ chế phát triển Cụm nuôi tôm công nghiệp để khuyến khích người dân phát triển diện tích nuôi tôm công nghiệp theo quy hoạch. Đến cuối năm 2015 phấn đấu diện tích nuôi tôm công nghiệp đạt 10.000 ha.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong sản xuất tôm, lúa tỉnh Cà Mau giai đoạn 2009 - 2012 và định hướng đến năm 2015; từng bước tạo được bước chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng trong sản xuất tôm, lúa.

Triển khai thực hiện thí điểm bảo hiểm đối với nuôi trồng thủy sản theo Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Phát triển khai thác xa bờ hợp lý, chuyển dịch nhanh cơ cấu nghề khai thác ven bờ theo hướng ổn định sản lượng khai thác đánh bắt, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, chuyển sang nuôi trồng thủy sản hoặc du lịch, dịch vụ... Tuyên truyền, vận động các chủ phương tiện không vi phạm vùng lãnh hải các nước khi khai thác thủy sản. Hình thành mô hình liên kết và cung cấp dịch vụ hậu cần trong khai thác biển.

Đến năm 2015, phấn đấu sản lượng thủy sản đạt 450.000 tấn, trong đó sản lượng tôm đạt 180.000 tấn.

- Nông nghiệp: tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động khuyến nông, hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân trong việc áp dụng và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả như: mô hình chuyên canh lúa, mô hình sản xuất đa cây, đa con. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống; phối hợp với các Viện, Trường nghiên cứu khảo nghiệm giống lúa mới thích nghi với điều kiện đất đai từng vùng.

Sản xuất, cung ứng giống lúa cấp nguyên chủng tại chỗ cho các điểm vệ tinh sản xuất nhân lúa giống cấp xác nhận, để đưa ra sản xuất đại trà. Phấn đấu sản lượng lúa năm 2015 đạt 600.000 tấn.

Phát triển sản phẩm chăn nuôi đáp ứng nhu cầu thực phẩm cho thị trường trong tỉnh. Xây dựng các lò giết mổ gia súc, gia cầm tập trung theo đúng quy hoạch. Tăng cường công tác tập huấn, hướng dẫn cho nông dân áp dụng quy trình kỹ thuật chăn nuôi an toàn sinh học, nâng cao nhận thức để thay đổi tập quán chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi theo hướng tập trung. Đến năm 2015, đàn heo đạt khoảng 300.000 con, đàn gia cầm khoảng 2,4 triệu con.

Thực hiện tốt mối liên kết 4 Nhà (Nhà nông, Nhà doanh nghiệp, Nhà khoa học và Nhà nước) nhằm hỗ trợ, hướng dẫn người dân trong đầu tư sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

- Lâm nghiệp:

Tiếp tục thực hiện Đề án tổ chức lại sản xuất và bố trí lại dân cư khu vực rừng tràm và các khu dân cư ven biển. Huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân trong lâm phần và các vùng ven biển khó khăn, chuẩn bị các điều kiện để xây dựng các khu dân cư kiểu mẫu mang đặc trưng của vùng nông thôn mới ở các khu vực này.

Tăng cường sự phối hợp chỉ đạo giữa các đơn vị chủ rừng với chính quyền xã, huyện, tạo sự đồng thuận giữa ngành và địa phương trong việc thực hiện công tác trồng rừng, nhất là chỉ đạo san lấp kênh, bờ để tạo mặt bằng trồng rừng ở khu vực rừng ngập mặn.

Phát triển trồng cây phân tán trong nhân dân, nhất là tại các vùng nuôi thủy sản, vùng ven biển, ven các trục đường giao thông, đảm bảo trồng lại rừng sau khai thác theo quy định. Nâng tỷ lệ độ che phủ rừng và cây phân tán đạt 24% diện tích tự nhiên.

- Xây dựng Nông thôn mới:

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới, tăng cường công tác vận động, tuyên truyền cho nhân dân nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm tham gia xây dựng nông thôn mới; lồng ghép các nguồn vốn, ưu tiên đầu tư hạ tầng 22 xã được lựa chọn hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới vào năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ XIV.

Phấn đấu đến năm 2015 có 22 xã đạt tiêu chí nông thôn mới; ít nhất 30 xã đạt 12/19 tiêu chí xã nông thôn mới.

2. Công nghiệp - Xây dựng

2.1. Công nghiệp:

Đẩy nhanh tốc độ phát triển công nghiệp, tăng dần các sản phẩm tinh chế, có hàm lượng giá trị gia tăng cao. Khuyến khích các doanh nghiệp chế biến thủy sản đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng hàng hóa, đa dạng hóa sản phẩm (ngoài con tôm) và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường trong lĩnh vực chế biến. Từng bước thu hút, phát triển các ngành công nghiệp: xử lý khí hóa lỏng, hóa chất, dệt may, gia công lắp ráp hàng điện tử... Huy động tối đa công suất hoạt động của cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau (02 nhà máy điện và nhà máy đạm).

Khôi phục và phát triển một số nghề truyền thống, sản xuất sản phẩm thủ công mỹ nghệ, phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, tạo điều kiện phát triển các làng nghề, ngành nghề mới ở nông thôn để sử dụng các nguồn nguyên liệu tại chỗ và giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập của người dân.

Triển khai đầu tư hạ tầng Khu kinh tế Năm Căn; đôn đốc các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp Khánh An, Hòa Trung, Sông Đốc. Đồng thời, đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút các dự án đầu tư trong và ngoài nước phù hợp với ngành, nghề, lĩnh vực đầu tư đã được quy hoạch; việc lựa chọn các dự án đầu tư mới và cấp phép phải ưu tiên đầu tư vào khu kinh tế và các khu, cụm công nghiệp.

Tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống lưới điện nông thôn, đồng thời tiến hành đầu tư lưới điện phục vụ các khu nuôi tôm công nghiệp tập trung. Phấn đấu cuối năm 2015 có trên 97% số hộ dân được sử dụng điện.

2.2. Xây dựng:

Đẩy mạnh công tác lập quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng các đô thị động lực của tỉnh, trong đó đầu tư hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại II đối với thành phố Cà Mau; trong giai đoạn 2011 - 2015 nâng cấp thị trấn Năm Căn và thị trấn Sông Đốc đạt tiêu chí đô thị loại IV.

Thực hiện tốt quy chế quản lý đầu tư và quy trình kỹ thuật trong xây dựng công trình, đảm bảo chất lượng công trình, chống thất thoát lãng phí. Phát triển và nâng cao các dịch vụ tư vấn về quy hoạch, tư vấn đầu tư, giám sát công trình, thẩm định giá, hình thành và đi vào hoạt động sàn giao dịch bất động sản.

Đến năm 2015, phấn đấu diện tích nhà ở bình quân đầu người đạt 17 m²/người. Tỷ lệ nhà ở kiên cố là 35%, nhà ở tạm bợ và đơn sơ giảm còn 30%.

Hoàn thành xây dựng Khu đô thị Trung tâm Hành chính - Chính trị tỉnh Cà Mau, Khu hành chính và công trình công cộng cửa ngõ Đông Bắc, thành phố Cà Mau và một số khu đô thị mới. Hình thành 1 khu đô thị (hoặc 1 khu dân cư) văn minh, hiện đại thí điểm trên địa bàn thành phố Cà Mau.

3. Dịch vụ

Phát triển nhanh các ngành dịch vụ, tập trung ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ như: thương mại, du lịch sinh thái, ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính, viễn thông, tư vấn... Khuyến khích phát triển mạng lưới bán buôn, bán lẻ, đưa hàng hóa về các vùng nông thôn kết hợp công tác kiểm soát, bình ổn giá thị trường.

Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có giá trị gia tăng cao; tăng sản phẩm chế biến có hàm lượng công nghệ cao, giảm dần tỷ trọng hàng xuất khẩu thô. Phấn đấu tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm đạt từ 05 tỷ USD trở lên.

Sắp xếp lại mạng lưới bán buôn, bán lẻ, phát triển hệ thống chợ nông thôn tại các xã chưa có chợ. Thu hút các tập đoàn bán buôn, bán lẻ trong và ngoài nước xây dựng và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại hiện đại (trung tâm thương mại, siêu thị...) trên địa bàn tỉnh nhằm tạo tính cạnh tranh, phát triển nhanh các ngành dịch vụ có liên quan, cung cấp hàng hóa có chất lượng, giá cả phù hợp đến với người dân.

Thu hút, khuyến khích đầu tư xây dựng một số khu du lịch mang tầm quốc gia để tạo điểm nhấn thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế (như khu du lịch Đất Mũi, Hòn Đá Bạc, các Vườn Quốc gia); nâng cấp, bảo tồn các vườn chim, đầu tư xây dựng khu vui chơi giải trí tổng hợp, cơ sở lưu trú, đa dạng hóa các loại hình và sản phẩm du lịch. Đầu tư xây dựng khu dịch vụ kinh tế biển tổng hợp tại Sông Đốc.

4. Đầu tư phát triển

Khuyến khích, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế, kể cả đầu tư nước ngoài tham gia phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông, các công trình giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường nhằm giảm bớt áp lực cho nguồn vốn ngân sách nhà nước; thực hiện theo nhiều hình thức như: BOT (xây dựng - kinh doanh - chuyển giao), BT (xây dựng - chuyển giao), PPP (hợp tác nhà nước - tư nhân).

Trong giai đoạn 2011 - 2015 hoàn thành đưa vào sử dụng các dự án, công trình quy mô lớn như: nhà máy Đạm Cà Mau, nhà máy xử lý khí hóa lỏng, nhà máy sản xuất Glyphosat, tuyến đường Quản lộ - Phụng Hiệp, đường Hồ Chí Minh (đoạn Năm Căn - Đất Mũi), nâng cấp mở rộng Quốc lộ 63, tuyến đường Hành lang ven biển phía Nam...; nâng cấp, mở rộng các tuyến đường tỉnh như: Tắc Thủ - U Minh, U Minh - Khánh Hội, Tắc Thủ - Đá Bạc, tuyến đường bờ Nam sông Ông Đốc đầu nối vào Quốc lộ 1A (Rau Dừa - Rạch Ráng); tập trung hoàn thành các tuyến đường ô tô về trung tâm xã, hoàn thành 2.000 km đường giao thông nông thôn; các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện.

5. Khoa học và Công nghệ

Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ, chuyển mạnh hoạt động sự nghiệp khoa học và công nghệ sang cơ chế cung ứng dịch vụ phù hợp với kinh tế thị trường, mở rộng sự tham gia của mọi thành phần kinh tế vào các dịch vụ khoa học công nghệ.

Từng bước xây dựng và phát triển thị trường công nghệ, hạn chế triển khai các đề tài nghiên cứu lý luận, nghiên cứu cơ bản, tập trung đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng chuyển giao công nghệ để đáp ứng ngày càng thiết thực và hiệu quả hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Phát triển mạnh hơn các dịch vụ khoa học và công nghệ nhằm nâng cao trình độ công nghệ của các ngành kinh tế, hợp lý hóa sản xuất, tăng cường quản lý chất lượng, môi trường của các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý.

Đẩy mạnh triển khai Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp”.

6. Giáo dục và Đào tạo

Tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo ở tất cả các cấp học, bậc học. Duy trì kết quả xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phát triển quy mô giáo dục trung học phổ thông, phát triển giáo dục chuyên nghiệp và đào tạo nghề; xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn; thực hiện kết hợp đào tạo cán bộ kỹ thuật trình độ cao, cán bộ quản lý giỏi với đào tạo công nhân kỹ thuật, thợ lành nghề. củng cố phát triển các trường cao đẳng, chuyên nghiệp, thành lập Trường Đại học Cà Mau.

Phát triển nhanh giáo dục mầm non, ưu tiên phát triển giáo dục mầm non ở các vùng dân cư có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, vùng đồng bào dân tộc Khmer, vừa nuôi dạy trẻ ở trường, vừa nuôi dạy trẻ ở nhà để giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng tới mức thấp nhất. Triển khai thực hiện Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010-2015.

Tiếp tục thực hiện các biện pháp đồng bộ, đủ mạnh để nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, lưu ban, kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục văn hóa và đạo đức, thực hiện tốt giáo dục hướng nghiệp cho học sinh bậc trung học phổ thông.

Tăng cường cơ sở vật chất, thực hiện đầu tư xây dựng hệ thống trường học các cấp theo quy hoạch để tăng nhanh tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia. Phát triển nhanh giáo dục chuyên nghiệp và đào tạo nghề, thực hiện đào tạo theo hướng liên thông, mở ra nhiều cơ hội học tập khác nhau cho mọi người. Củng cố trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm dạy nghề ở các huyện, xây dựng trường dạy nghề chất lượng cao. Phấn đấu đến cuối năm 2015 có 70% trường học đạt chuẩn quốc gia.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa về giáo dục đào tạo, trước hết cần tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân nhằm nâng cao nhận thức xã hội về tầm quan trọng của giáo dục, đảm bảo quyền lợi học tập cho mọi người. Tiếp tục động viên sự tham gia của quần chúng nhân dân trong việc đóng góp tiền của, công sức, đất đai để xây dựng trường học; từng bước phát triển hệ trường tư thục để giảm bớt gánh nặng cho ngân sách. Phát huy sự đóng góp của các tổ chức đoàn thể, các hội khuyến học, hội cựu giáo chức cho phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo của địa phương.

7. Y tế

Xây dựng mạng lưới y tế từng bước hiện đại để mọi người dân đều được cung cấp các dịch vụ y tế cơ bản, có điều kiện tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế chất lượng nhằm nâng cao thể chất, sức khỏe và tuổi thọ nhân dân. Phấn đấu đến năm 2015 tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm còn dưới 14%.

Đẩy mạnh đầu tư phát triển mạng lưới y tế dự phòng tuyến tỉnh, tuyến huyện nhằm chủ động phòng chống dịch, không để xảy ra dịch lớn; tiếp tục thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế.

Đầu tư trang thiết bị y tế cho các bệnh viện, đáp ứng yêu cầu chẩn đoán và điều trị, tiếp cận ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại vào các bệnh viện, trước hết là các bệnh viện tuyến tỉnh, từng bước nâng cao chất lượng khám và chữa bệnh. Phấn đấu đến năm 2015, bình quân số giường bệnh/1 vạn dân đạt 24 giường.

Tăng cường công tác đào tạo cán bộ y tế, mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Cao đẳng Y tế, đồng thời cử đi đào tạo trong và ngoài nước, phấn đấu đến năm 2015 có 7,5 bác sỹ, dược sỹ đại học/1 vạn dân. Tăng cường bác sỹ cho tuyến xã, đảm bảo 100% số trạm y tế xã có bác sỹ phục vụ.

Thực hiện Đông - Tây y kết hợp, khuyến khích phát triển các phòng thuốc Đông y, khuyến khích và hướng dẫn nhân dân trồng và sử dụng cây thuốc nam. Tăng cường kết hợp quân dân y trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân và các lực lượng vũ trang.

Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, vận động từng bước tăng số lượng người tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân. Hướng dẫn nhân dân cách tự phòng tránh bệnh, tai nạn lao động, nhất là phòng chống các bệnh truyền nhiễm. Khuyến khích phát triển gắn liền với quản lý chặt chẽ hành nghề y dược tư nhân, thu hút đầu tư thành lập bệnh viện tư nhân và trung tâm chẩn đoán điều trị y học kỹ thuật cao, mở rộng các hình thức chăm sóc sức khỏe tại nhà.

8. Văn hóa, Thể thao

- Văn hóa: từng bước đầu tư đồng bộ các thiết chế văn hóa, trong đó ưu tiên đầu tư các thiết chế phục vụ cho sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Tăng cường phát triển các hoạt động thông tin đại chúng, nòng cốt là đài phát thanh, truyền hình, phát hành báo chí. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể, phổ biến các loại hình văn hóa nghệ thuật, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, chống tệ nạn xã hội.

Tập trung thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; xây dựng gia đình, ấp khóm, xã phường thị trấn và huyện thành phố văn hóa. Trong quá trình xét công nhận đạt chuẩn văn hóa chú ý đảm bảo về chất lượng, thực hiện công nhận hộ gia đình, đơn vị mới đạt chuẩn đồng thời thu hồi danh hiệu văn hóa đối với những gia đình, đơn vị không còn đủ tiêu chuẩn nhằm nâng cao chất lượng cuộc vận động.

Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa - thông tin nhằm động viên nhân dân, các tổ chức kinh tế xã hội tham gia xây dựng phát triển văn hoá; khuyến khích thành lập các đoàn nghệ thuật tư nhân, các câu lạc bộ văn hoá tư nhân, thu hút đầu tư các khu vui chơi giải trí... Nhà nước chỉ tập trung đầu tư các công trình văn hóa phục vụ cộng đồng như: trung tâm văn hóa thể thao, nhà văn hóa, công viên.

Đến năm 2015: 100% huyện, thành phố; 85% xã, phường, thị trấn hình thành được Trung tâm Văn hóa - Thể thao.

- Thể dục Thể thao: phát triển thể dục thể thao quần chúng rộng khắp bằng nhiều hình thức và nội dung phong phú, đặc biệt là phong trào thể dục thể thao ở các vùng nông thôn, trong các trường học, lực lượng vũ trang, coi đây là nền tảng và động lực phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng. Lồng ghép phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và các phong trào thể dục thể thao do các ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội phát động. Quan tâm phát triển, bồi dưỡng một số môn thể thao mà tỉnh có ưu thế, có khả năng đạt thành tích tham gia thi đấu đỉnh cao trong khu vực, trong nước và quốc tế.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa thể dục thể thao: khuyến khích các thành, phần kinh tế đầu tư xây dựng các câu lạc bộ thể dục thể thao với nhiều hình thức phù hợp như: sự nghiệp, sự nghiệp có thu, phúc lợi, kinh doanh dịch vụ... Cử cố các hội theo bộ môn thể thao như: câu lạc bộ quần vợt, bóng đá, cầu lông... để tranh thủ sự vận động tài trợ.

9. Lao động, Thương binh và Xã hội

- Công tác dân số: tiếp tục thực hiện các giải pháp thực hiện kế hoạch hoá gia đình nhằm kiểm chế tốc độ tăng dân số tự nhiên, xây dựng mỗi gia đình có từ 1-2 con. Phấn đấu sớm đạt và duy trì mức sinh thay thế, nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ và tinh thần. Đảm bảo sự phân bố hợp lý dân cư giữa các vùng trong tỉnh (giữa vùng ven biển và vùng nội địa, giữa đô thị và nông thôn).

- Lao động việc làm: chú trọng tạo việc làm, nâng cao chất lượng việc làm, tăng thu nhập cho người lao động nhằm sử dụng có hiệu quả nguồn lao động của tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội, giảm nhanh tỷ lệ lao động không có việc làm, thiếu việc làm, tăng thời gian làm việc của lao động ở nông thôn.

Đầu tư phát triển mạng lưới trường dạy nghề của tỉnh (nâng cấp Trường trung cấp nghề lên thành trường cao đẳng nghề, các trung tâm dạy nghề ở huyện). Triển khai nhanh Đề án đào tạo giáo viên dạy nghề, Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn; thực hiện dạy nghề theo nhu cầu thị trường, theo địa chỉ, giảm đào tạo các nghề phổ thông, đơn giản.

- Giảm nghèo: thực hiện Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và giảm nghèo. Trong quá trình phát triển thường xuyên gắn kết các chỉ tiêu về phát triển kinh tế và giảm nghèo, hạn chế khoảng cách chênh lệch về thu nhập giữa nhóm hộ giàu và nhóm hộ nghèo; khuyến khích làm giàu hợp pháp và tự vươn lên thoát nghèo là chính.

Đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức thực hiện mục tiêu giảm nghèo, tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các chính sách trợ giúp. Tăng cường công tác dạy nghề cho người nghèo, nâng cao dân trí (kiến thức sản xuất kinh doanh và quản lý chi tiêu), giải quyết công ăn việc làm, hỗ trợ tín dụng và tạo mọi điều kiện để các hộ nghèo tự vươn lên thoát nghèo là chính, tránh tư tưởng trông chờ Nhà nước và cộng đồng. Đối với những xã nghèo, áp nghèo Nhà nước tăng cường và hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cơ bản gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Về xã hội: phát triển các hoạt động an sinh xã hội, thực hiện tốt các chính sách xã hội như đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc người có công với nước; cùng với tăng chi ngân sách cho bảo đảm xã hội cần khuyến khích các hoạt động từ thiện nhân đạo, vận động giúp đỡ những đối tượng bị rủi ro, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn để vươn lên hòa nhập cộng đồng.

Đẩy mạnh công tác phòng chống các tệ nạn xã hội, nhất là ma túy, tăng cường và nâng cao hiệu quả Cuộc vận động xây dựng xã, phường, thị trấn lành mạnh, không có tệ nạn xã hội.

10. Thông tin và Truyền thông

Xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông băng rộng hiện đại, có độ tin cậy cao. Đến năm 2015, hoàn thành mạng băng rộng đến tất cả các xã, phường và phủ sóng thông tin di động băng rộng đến 85% dân cư. Ít nhất 20% số hộ gia đình có máy vi tính và có thể truy cập Internet băng rộng. Hầu hết gia đình đều có điện thoại (cố định hoặc di động).

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành, phục vụ người dân và doanh nghiệp. Tăng cường phát huy hiệu quả Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Công khai hóa thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công và mức thu phí, lệ phí trên trang thông tin điện tử (Website) theo từng đơn vị sở, ban, ngành.

11. Tài nguyên và Môi trường

Tăng cường, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, khí tượng thủy văn, biển đảo. củng cố bộ máy tổ chức, tăng cường năng lực về con người, đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của chính quyền từ tỉnh đến cơ sở trong công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thực hiện tốt hơn công tác phát hiện xử lý vi phạm, xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp vi phạm các luật về đất đai, bảo vệ môi trường, khí tượng thủy văn và biển đảo.

Đẩy mạnh công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp tỉnh, huyện, xã gắn với quy hoạch đô thị, đề án xây dựng nông thôn mới và quy hoạch khu kinh tế, khu công nghiệp. Thực hiện lồng ghép vào quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch môi trường, biển đảo, biến đổi khí hậu và nước biển dâng nhằm thích ứng với các tác động của biến đổi khí hậu.

Triển khai thực hiện chương trình bảo vệ và phục hồi đa dạng sinh học, tổ chức quản lý và khai thác có hiệu quả Khu dự trữ sinh quyển Mũi Cà Mau. Tích cực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu.

12. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội

Tăng cường công tác giáo dục quốc phòng, an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững mạnh gắn với giữ vững chủ quyền an ninh biển, đảo; bảo vệ vững chắc chế độ xã hội chủ nghĩa; ổn định an ninh chính trị; bảo đảm trật tự, kỷ cương và an toàn xã hội.

Tiếp tục xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh kết hợp với tăng cường công tác phòng, chống âm mưu, thủ đoạn, hoạt động "diễn biến hòa bình", "bạo loạn lật đổ" của các thế lực thù địch, không để bị động, bất ngờ. Xây dựng lực lượng vũ trang theo hướng "cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại", sẵn sàng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong mọi tình huống.

13. Cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng

Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đề xuất loại bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết trong đầu tư, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi để thu hút đầu tư.

Đẩy mạnh công tác thực hành tiết kiệm và chống lãng phí.

Tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, đặc biệt trong các lĩnh vực quản lý đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý vốn, tài sản của nhà nước. Xử lý kịp thời, nghiêm minh các vụ, việc vi phạm.

III. Giải pháp huy động nguồn vốn đầu tư toàn xã hội

Để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Cà Mau 5 năm 2011 - 2015 với tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 13,5%/năm; tổng vốn đầu tư toàn xã hội phải đạt tỷ lệ đầu tư bình quân hàng năm khoảng 38,5% GDP. Dự kiến huy động từ các nguồn vốn như sau:

1. Nguồn vốn ngân sách nhà nước, bao gồm vốn ngân sách địa phương, vốn trái phiếu Chính phủ, ngân sách Trung ương hỗ trợ đầu tư có mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách Trung ương do các Bộ ngành và các Tập đoàn Nhà nước trực tiếp đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Vốn đầu tư ngân sách nhà nước chủ yếu tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển nguồn nhân lực thông qua đầu tư phát triển giáo dục đào tạo, y tế, giải quyết an sinh xã hội và bảo vệ môi trường, đầu tư các dự án trọng điểm có ý nghĩa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cho vùng.

Huy động khai thác quỹ đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, thực hiện quy hoạch các đô thị một cách hợp lý, đặc biệt là quy hoạch lại hệ thống công sở nhà nước, ưu tiên những vị trí có lợi thế về thương mại để tổ chức cho các nhà đầu tư đấu giá, tạo vốn đầu tư.

2. Vốn tín dụng nhà nước: là nguồn vốn đầu tư hỗ trợ sản xuất, xuất khẩu, các dự án công ích, các dự án có tham gia bảo vệ môi trường, bảo vệ quốc phòng an ninh như khai thác thủy sản xa bờ, nuôi trồng thủy sản trên biển, trồng rừng nguyên liệu, cấp nước sinh hoạt đô thị, đổi mới công nghệ thiết bị...

3. Nguồn vốn NGO: tích cực tranh thủ nguồn vốn của các Tổ chức phi Chính phủ tài trợ thực hiện các dự án, chương trình của tỉnh gắn với chính sách đảm bảo an sinh xã hội, hướng ưu tiên cho vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc.

4. Vốn ODA: tập trung cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, các dự án về giao thông, thủy lợi, vệ sinh môi trường, phòng chống thiên tai, cấp thoát nước, nâng cao năng lực cộng đồng... Để thu hút và giải ngân tốt nguồn vốn ODA, cần chuẩn bị tốt các văn kiện dự án, tích cực vận động đầu tư, chủ động bố trí vốn đối ứng cho các dự án.

5. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI: đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư với các hình thức đa dạng như chuẩn bị danh mục dự án, tổ chức hội thảo, phối hợp tổ chức các đoàn xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước song song đó đẩy nhanh việc xây dựng kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế, tổ chức tốt công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư, tạo quỹ đất, đào tạo nguồn nhân lực để thực hiện.

6. Vốn đầu tư của các doanh nghiệp và tư nhân: vai trò và nguồn vốn đầu tư của dân cư và các thành phần kinh tế khác là nguồn vốn chủ yếu đầu tư phát triển, đóng vai trò hết sức quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế, giải quyết an sinh xã hội. Coi trọng thu hút đầu tư từ các tập đoàn kinh tế, các doanh nghiệp lớn trong nước tham gia đầu tư vào địa bàn tỉnh song song đó tạo lập môi trường kinh doanh thông thoáng, cải cách thủ tục hành chính gọn nhẹ hơn nữa để thu hút đầu tư. Thu hút các nguồn lực đầu tư theo các hình thức BOT, BTO, BT, PPP. Tích cực thực hiện chủ trương xã hội hóa đầu tư các lĩnh vực y tế, giáo dục, thể thao, văn hóa thông tin, môi trường.

IV. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố cụ thể hóa xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm trình UBND tỉnh xem xét, quyết định. Thường xuyên theo dõi, đánh giá tình hình kết quả thực hiện kế hoạch theo từng năm và cả giai đoạn 5 năm. Trong trường hợp có những thay đổi lớn cần chủ động đề xuất UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố căn cứ các giải pháp, nhiệm vụ nêu trên triển khai tổ chức thực hiện các nội dung thuộc trách nhiệm quản lý của ngành, đơn vị mình; định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Phạm Thành Tươi

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH CÀ MAU
GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH năm 2010	Ước TH năm 2011	KH năm 2012	KH năm 2013	KH năm 2014	KH năm 2015	Tổng giai đoạn 5 năm 2011-2015	Tăng trưởng bình quân GDP 2011 - 2015
I	Các chỉ tiêu về kinh tế									
1	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) giá 1994	Tỷ đồng	14.650	16.111	18.000	20.300	23.500	27.600		13,5
	<i>Trong đó: + Ngu, nông, lâm nghiệp</i>	"	4.949	5.297	5.600	5.900	6.300	6.700		6,2
	<i>+ Công nghiệp, xây dựng</i>	"	5.731	6.284	7.200	8.200	9.800	12.200		16,3
	<i>+ Dịch vụ</i>	"	3.970	4.530	5.200	6.200	7.400	8.700		17,0
	Tốc độ tăng trưởng GDP so với năm trước	%	12,5	10,0	11,7	12,8	15,8	17,5		
	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) giá hiện hành	Tỷ đồng	24.510	28.337	33.700	41.800	50.000	60.000		19,6
	<i>Trong đó: + Ngu, nông, lâm nghiệp</i>	"	9.618	10.818	12.000	13.800	15.600	18.000		13,4
	<i>+ Công nghiệp, xây dựng</i>	"	8.976	10.546	13.000	16.500	20.300	25.000		22,7
	<i>+ Dịch vụ</i>	"	5.916	6.973	8.700	11.500	14.100	17.000		23,5
2	GDP bình quân đầu người (giá hiện hành)	1.000 đồng	20.221	23.264	27.350	33.520	39.750	46.800		
	(Quy đổi ra USD)	USD	1.037	1.220	1.300	1.600	1.880	2.150		
3	Cơ cấu kinh tế GDP (giá hiện hành)	%	100,00	100,0	100,0	100,0	100,0	100		
	<i>+ Ngu, nông, lâm nghiệp</i>	%	39,24	38,2	35,6	33,0	31,2	30		
	<i>+ Công nghiệp, xây dựng</i>	%	36,62	37,2	38,6	39,5	40,6	42		
	<i>+ Dịch vụ</i>	%	24,14	24,6	25,8	27,5	28,2	28		
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	10.530	13.715	10.000	14.000	18.000	23.000		16,9
5	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	863	910	1.000	1.100	1.250	1.400	>5.000	10,2
6	Thu ngân sách	Tỷ đồng	2.456	3.707	4.000	4.600	5.300	6.000	>17000	19,6

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH năm 2010	Ước TH năm 2011	KH năm 2012	KH năm 2013	KH năm 2014	KH năm 2015	Tổng giai đoạn 5 năm 2011-2015	Tăng trưởng bình quân GDP 2011 - 2015	
7	Chi ngân sách	Tỷ đồng	4.168	3.855	5.060	5.600	6.300	7.000	25.000	10,9	
8	Sản lượng thủy sản	Tấn	387.060	403.452	420.000	430.000	440.000	450.000		3,1	
	<i>Trong đó: Tôm</i>	<i>Tấn</i>	<i>122.960</i>	<i>130.883</i>	<i>143.000</i>	<i>150.000</i>	<i>164.000</i>	<i>180.000</i>		7,9	
9	Sản lượng lúa	Tấn	498.285	532.000	550.000	560.000	580.000	600.000		3,8	
II	Các chỉ tiêu về xã hội										
10	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,24	1,21	1,18	1,16	1,14	1,12			
11	Mức giảm tỷ lệ sinh	%	0,04	0,03	0,03	0,02	0,02	0,02			
12	Tỷ lệ hộ nghèo	%	6,5		Giảm bình quân 2%/năm						
13	Giải quyết việc làm	Người	32.950	39.070	33.000	33.500	34.000	35.000	174.570		
14	Đạy nghề, bồi dưỡng và truyền nghề	Người	22.300	24.000	28.000	34.000	41.000	48.000	173.600		
15	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn	%	17,2	16	15	14,6	14,3	14			
16	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện	%	94,68	94,5	95,5	96,0	96,5	97,0			
17	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	10	20	30	40	55	70			
18	Tỷ lệ lao động qua đào tạo, bồi dưỡng và dạy nghề	%	30	32,5	35	44	52	60			
19	Cơ cấu sử dụng lao động	%	100	100	100	100	100	100			
	+ Lao động ngư nông lâm nghiệp	"	75	70	69	63	56	45 - 50			
	+ Lao động công nghiệp, xây dựng	"	10	15	16	20	24	28 - 32			
	+ Lao động dịch vụ	"	15	15	15	17	20	20 - 25			
20	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn hình thành được Trung tâm Văn hóa - Thể thao	%	14	23	38	50	65	85			
21	Tỷ lệ đơn vị huyện, thành phố hình thành được trung tâm văn hóa, thể thao	%	33	33	45	67	88	100			
22	Số xã đạt tiêu chí nông thôn mới	Xã						22			

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NGU, NÔNG, LÂM NGHIỆP
GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

S T T	DANH MỤC	Đơn vị	TH năm 2010	Ước TH năm 2011	KH năm 2012	KH năm 2013	KH năm 2014	KH năm 2015
A	THỦY SẢN							
1	Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng	Tấn	387.060	403.452	420.000	430.000	440.000	450.000
1.1	- <i>Trong đó: sản lượng tôm</i>	"	122.960	130.883	143.000	150.000	164.000	180.000
	Sản lượng khai thác thủy sản	Tấn	153.714	155.063	150.000	145.000	140.000	130.000
	- Trong đó: sản lượng tôm	"	15.113	13.837	14.000	12.000	11.000	10.000
1.2	Sản lượng nuôi trồng	Tấn	233.346	248.389	270.000	285.000	300.000	320.000
	- Trong đó: sản lượng tôm	"	107.847	117.046	129.000	138.000	153.000	170.000
2	Diện tích nuôi trồng	Ha		250.507	250.500	250.000	250.000	250.000
2.1	Nuôi công nghiệp	Ha	1.751	3.307	5.000	6.200	8.300	10.000
2.2	Nuôi quảng canh cải tiến	Ha		10.000	25.000	38.000	48.000	55.000
2.3	Nuôi tôm - lúa	Ha		43.000	43.000	43.000	43.000	45.000
2.4	Nuôi tôm - rừng	Ha		17.700	17.400	17.200	17.000	16.800
2.5	Nuôi tôm quảng canh	Ha		176.500	160.100	145.600	133.700	123.200
B	NÔNG NGHIỆP							
I	Trồng trọt							
1	Cây lúa							
	- Diện tích canh tác	Ha	89.275	94.000	94.500	94.500	94.500	96.200
	- Diện tích gieo trồng	Ha	125.581	129.500	130.500	130.500	130.500	131.900
	- Năng suất gieo trồng	Tấn/ha	3,97	4,11	4,21	4,32	4,46	4,55
	- Sản lượng lúa	Tấn	498.285	532.000	550.000	560.000	580.000	600.000

**KẾ HOẠCH CÔNG THƯƠNG
GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

S	DANH MỤC	Đơn vị	TH năm 2010	Ước TH năm 2011	Kế hoạch năm 2012	Kế hoạch năm 2013	Kế hoạch năm 2014	Kế hoạch năm 2015	Tăng trưởng bình quân GDP 2011 - 2015
A	CÔNG NGHIỆP								
I	<i>Giá trị sản xuất ngành (giá so sánh)</i>	Tỷ đồng	15.517	15.631	18.400	26.000	30.500	36.000	18,3
II	<i>Một số sản phẩm chủ yếu</i>								
	- Sản lượng chế biến hàng thủy sản	Tấn	91.126	96.000	105.000	116.000	121.500	130.000	7,4
	<i>Trong đó: + Chế biến tôm</i>	"	82.273	85.000	92.000	101.000	105.500	110.000	6,0
	<i>+ Hàng thủy sản khác</i>	"	8.853	11.000	13.000	15.000	16.000	20.000	17,7
	- Sản lượng điện sản xuất	Tr.KWh	9.149	8.355	9.500	9.700	10.000	10.500	2,8
	- Sản lượng đạm sản xuất	Tấn			600.000	700.000	750.000	800.000	
	- Đường các loại	Tấn	12.888	15.000	17.000	19.000	19.500	20.000	9,2
III	<i>Điện khí hóa nông thôn</i>								
	- Tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia	%	94,68	94,5	95,5	96	96,5	97	
B	THƯƠNG MẠI								
I	<i>Nội thương</i>								
	- Tổng mức lưu chuyển hàng hóa	Tỷ đồng	52.986	66.000	80.000	135.000	170.000	210.000	31,7
	- Tổng mức bán lẻ hàng hóa	"	24.245	31.000	38.500	55.000	68.000	85.000	28,5
II	<i>Ngoại thương</i>								
1	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	863	910	1.000	1.100	1.250	1.400	10,2
	<i>Trong đó: + Hàng thủy sản</i>	"	854	900	990	1.090	1.240	1.390	10,2
	<i>+ Gạo</i>	"	9	10	10	10	10	10	2,1
2	Khối lượng hàng xuất khẩu chủ yếu								
	- Thủy sản chế biến xuất khẩu	Tấn	102.000	102.000	110.000	114.000	122.000	142.000	6,8
	- Gạo xuất khẩu	Tấn	14.600	18.500	18.500	27.500	27.500	27.000	

**KẾ HOẠCH GIAO THÔNG VẬN TẢI
GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

TT	DANH MỤC	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2010	Ước TH năm 2011	Kế hoạch năm 2012	Kế hoạch năm 2013	Kế hoạch năm 2014	Kế hoạch năm 2015	Tăng trưởng BQ giai đoạn 2011 - 2015
I	Vận tải hàng hóa								
1	Đường bộ								
	- Khối lượng vận chuyển	1.000 Tấn	303	325	340	350	360	380	4,6
	- Luân chuyển	1.000 T.Km	76.735	82.217	85.700	88.000	93.000	97.000	4,8
2	Đường sông								
	- Khối lượng vận chuyển	1.000 Tấn	1.061	1.152	1.200	1.250	1.300	1.350	4,9
	- Luân chuyển	1.000 T.Km	82.849	90.500	95.500	98.000	102.000	106.000	5,1
II	Vận chuyển hành khách								
1	Đường bộ								
	- Khối lượng vận chuyển	1.000 HK	32.022	35.480	36.900	38.000	39.500	41.000	5,1
	- Luân chuyển	1.000 HK.Km	658.628	715.685	745.300	775.000	806.000	840.000	5,0
2	Đường sông								
	- Khối lượng vận chuyển	1.000 HK	19.905	19.100	18.500	18.000	17.500	17.000	-3,1
	- Luân chuyển	1.000 HK.Km	575.746	550.400	530.000	515.000	500.000	490.000	-3,2
III	Số km đường GTNT xây dựng trong năm	Km	369	400	400	400	400	400	

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
GIẢI ĐOẠN 2011 - 2015

S	DANH MỤC	Đơn vị	TH năm học 2010-2011	Ước TH năm học 2011-2012	Kế hoạch năm học 2012-2013	Kế hoạch năm học 2013-2014	Kế hoạch năm học 2014-2015	Kế hoạch năm học 2015-2016	Tăng trưởng bình quân GD 2011 - 2015
A	GIÁO DỤC								
I	Số học sinh có mặt đầu năm học	Học sinh	228.838	234.707	241.930	251.800	261.400	266.700	3,1
1	Mẫu giáo	"	29.939	28.654	30.780	34.800	36.800	38.000	4,9
2	Phổ thông	"	198.899	206.053	211.150	217.000	224.600	228.700	2,8
	- <i>Tiểu học</i>	"	121.776	123.734	119.850	125.000	125.700	126.200	0,7
	- <i>Trung học cơ sở</i>	"	53.666	58.263	65.859	66.800	74.300	78.500	7,9
	- <i>Trung học phổ thông</i>	"	23.457	24.056	25.441	25.200	24.600	24.000	
II	Số giáo viên có mặt đầu năm học	Giáo viên	13.284	13.238	13.565	15.290	15.640	16.370	4,3
1	Mẫu giáo	"	1.293	1.333	1.468	1.846	1.928	1.987	9,0
2	Phổ thông	"	11.991	11.905	12.097	13.444	13.712	14.383	
	- <i>Tiểu học</i>	"	6.421	6.423	6.492	7.208	7.353	7.503	
	- <i>Trung học cơ sở</i>	"	4.115	3.988	4.187	4.554	4.606	5.067	4,3
	- <i>Trung học phổ thông</i>	"	1.455	1.494	1.418	1.682	1.753	1.813	4,5
B	ĐÀO TẠO								
1	Số sinh viên đại học và cao đẳng	Sinh viên	900	950	2.500	2.600	2.700	2.800	25,5
2	Số sinh viên trung học chuyên nghiệp	SV, HS	3.202	3.350	3.200	3.300	3.400	3.500	1,8
C	Số trường đạt chuẩn Quốc gia trong năm	Trường	15	44	62	40	55	70	
D	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn Phổ cập giáo dục bậc Trung học	%	0	3	5	24	36	48	

KẾ HOẠCH Y TẾ
GIẢI ĐOẠN 2011 - 2015

S	T	T	DANH MỤC	Đơn vị	TH năm 2010	Ước TH năm 2011	Kế hoạch năm 2012	Kế hoạch năm 2013	Kế hoạch năm 2014	Kế hoạch năm 2015	Tăng trưởng bình quân GD 2011 - 2015
I			Tiêm chủng mở rộng								
			- Tỷ lệ trẻ em trong diện được tiêm chủng	%	100	100	>95	>95	>95	>95	
II			Giường bệnh	Giường	3.043	3.131	3.132	3.132	3.527	3.627	3,6
1			Bệnh viện đa khoa tỉnh	"	500	600	600	600	600	600	3,7
2			Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh	"	400	400	400	400	400	400	0,0
3			Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng	"	60	60	60	60	100	100	10,8
4			Trung tâm phòng chống các bệnh xã hội	"	20	20	20	20	20	20	0,0
5			Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản	"	10	10	10	10	10	10	0,0
6			Bệnh viện đa khoa huyện, thành phố	"	1.285	1.275	1.275	1.275	1.650	1.750	6,4
7			Phòng khám đa khoa khu vực	"	120	120	110	110	90	90	-5,6
8			Trạm y tế xã, phường, thị trấn	"	443	441	452	452	452	452	0,4
9			Y tế ngành	"	155	155	155	155	155	155	0,0
10			Bệnh viện tư nhân	"	50	50	50	50	50	50	0,0
III			Số giường bệnh/vạn dân	Giường	21	22	22	22	23,5	24	2,7
IV			Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm còn	%	17,2	16	15	14,6	14,3	14	
V			Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã	%	91	100	100	100	100	100	
VI			Bình quân số Bác sĩ, Dược sĩ đại học/vạn dân	BS, DS	6,2	5,9	7,0	7,2	7,4	7,5	
			<i>Trong đó: số bác sĩ/vạn dân</i>	<i>Bác sĩ</i>	<i>5,9</i>	<i>5,6</i>	<i>6,5</i>	<i>6,7</i>	<i>6,9</i>	<i>7,0</i>	

KẾ HOẠCH DÂN SỐ, LAO ĐỘNG VÀ XÃ HỘI
GIẢI ĐOẠN 2011 - 2015

S	DANH MỤC	Đơn vị	TH năm 2010	Ước TH năm 2011	Kế hoạch năm 2012	Kế hoạch năm 2013	Kế hoạch năm 2014	Kế hoạch năm 2015	Tăng trưởng bình quân GDP 2011 - 2015	
1	Dân số									
	- Dân số	Người	1.212.089	1.217.353	1.232.000	1.247.000	1.263.000	1.280.000		
	- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,24	1,21	1,18	1,16	1,14	1,12		
	- Giảm tỷ lệ sinh	%	0,04	0,03	0,03	0,02	0,02	0,02		
2	Giải quyết việc làm	Lao động	32.950	39.070	33.000	33.500	34.000	35.000	1,2	
	<i>Trong đó: - Lao động ngoài nước</i>	"	70	70	200	400	700	1.000	70,2	
	<i>- Lao động ngoài tỉnh</i>	"	15.000	24.000	16.500	16.500	16.500	16.500	1,9	
	<i>- Lao động trong tỉnh</i>	"	17.880	15.000	16.300	16.600	16.800	17.500		
3	Đào tạo, bồi dưỡng và dạy nghề	Lao động	22.300	24.000	28.000	34.000	41.000	48.000	16,6	
	<i>- Các huyện, thành phố</i>	"	10.501	14.000	15.000	18.000	22.500	26.000	19,9	
	<i>- Các trường và TTDN của tỉnh</i>	"	11.799	10.000	13.000	16.000	18.500	22.000	13,3	
4	Tỷ lệ hộ nghèo	%	6,5	Giảm bình quân 2%/năm						
5	Tỷ lệ lao động qua đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề	%	30	32,5	35	44	52	60		
6	Cơ cấu sử dụng lao động	%	101,8	100	100	100	100	100		
	+ Lao động ngư nông lâm nghiệp	"	75,3	69	69	63	56	48		
	+ Lao động công nghiệp, xây dựng	"	12,7	16	16	20	24	30		
	+ Lao động dịch vụ	"	13,8	15	15	17	20	22		

**KẾ HOẠCH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

TT	Danh mục	Đơn vị tính	TH năm 2010	Ước TH năm 2011	Kế hoạch năm 2012	Kế hoạch năm 2013	Kế hoạch năm 2014	Kế hoạch năm 2015	Tăng trưởng bình quân GD 2011 - 2015
I	VĂN HÓA								
1	Tỷ lệ gia đình được công nhận văn hóa	%	83,03	90	91	92	93,5	95	
2	Tỷ lệ khóm, ấp đạt chuẩn văn hóa	%	83,32	85	86	87	88	90	
3	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn văn hóa	%	45,54	51	57	66	74	80	
4	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn hình thành được Trung tâm Văn hóa - Thể thao	%	15	23	38	50	65	85	
5	Tỷ lệ huyện, thành phố hình thành được Trung tâm Văn hóa - Thể thao	%	33	33	45	67	88	100	
II	THỂ THAO								
1	Tỷ lệ dân số tập luyện TDTT thường xuyên	%	24,5	26	27	28	29	30	
2	Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao	%	20	21	22	23	24	25	
III	DU LỊCH								
1	Tổng số khách du lịch	Lượt người	760.000	780.000	820.000	855.000	955.000	1.000.000	6
	- Khách trong nước	"	745.400	764.500	803.200	837.000	937.000	980.000	5,6
	- Khách quốc tế	"	14.600	15.500	16.800	18.000	18.000	20.000	6,5
2	Doanh thu thuần du lịch	Tỷ đồng	192	200	210	235	260	280	7,8

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN LỚN DỰ KIẾN ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH CÀ MAU GIAI ĐOẠN 2011 – 2015**

STT	DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH	Ghi chú
A	HẠ TẦNG KINH TẾ	
I	Lĩnh vực giao thông	
1	Tuyến đường Hồ Chí Minh (đoạn Năm Căn- Đất Mũi)	Đang thi công
2	Tuyến đường Hành lang ven biển phía Nam	Đang thi công
3	Cầu Đầm Cù	Đang thi công
4	Cầu Năm Căn	Đã phê duyệt dự án
5	Cầu Rạch Ruộng nhỏ	Đang thi công
6	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 63	Đang GPMB
7	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường U Minh- Khánh Hội	Đường cứu hộ, cứu nạn
8	Cầu Hòa Trung	
9	Cầu qua sông Ông Đốc tại thị trấn Sông Đốc	
10	Tuyến đường vành đai Tây Nam thành phố Cà Mau	Hình thức BT
11	Tuyến đường phía bờ Nam sông Ông Đốc nối vào Quốc lộ 1A (Rau Dừa- Rạch Ráng- Sông Đốc)	Hình thức BT
12	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tắc Thủ- Côi Năm- Đá Bạc	Hình thức BT
13	Tuyến đường tránh Quốc lộ 1A qua thành phố Cà Mau (về Năm Căn)	
14	Tuyến đường tránh Quốc lộ 1A qua thành phố Cà Mau (về Quản lộ- Phụng Hiệp nối với Quốc lộ 63)	
15	Nâng cấp, mở rộng sân bay Cà Mau	
16	Khôi phục, nâng cấp sân bay Năm Căn	
17	Tuyến đường ven biển Tây	
18	Tuyến đường ven biển Đông	
19	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tắc Thủ- Rạch Ráng- Sông Đốc	
20	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cà Mau- Đầm Dơi	
21	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Láng Trâm- Thới Bình	
22	Xây dựng đường U Minh- Thới Bình (kênh Zêrô)	
23	Xây dựng đường Trí Phái- Thới Bình	
24	Các tuyến đường ô tô đến trung tâm xã (gồm các xã mới chia tách)	
25	Các tuyến đường ô tô liên xã	
26	Chương trình xây dựng cầu và đường giao thông nông thôn	
27	Cầu Kênh Mới	Vốn ODA
28	Cầu Kênh 90	Vốn ODA
29	Cầu Cái Keo	
30	Cầu Chà Là (bắc qua sông Bảy Háp)	
31	Cầu Vàm Đầm	
32	Cầu qua sông Cái Tàu (tuyến Thới Bình- U Minh)	
33	Cầu qua sông Trẹm (tuyến Thới Bình- U Minh)	

STT	DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH	Ghi chú
34	Cầu cửa Gành Hào	
35	Bến xe liên tỉnh (mới)	
36	Bến xe, tàu huyện Năm Căn	
37	Bến xe, tàu Sông Đốc	
38	Tuyến đường Cà Mau- Đầm Dơi- Năm Căn	
39	Tuyến đường Hòa Trung- Trần Phán	
40	Tuyến đường Trung tâm bờ Bắc Sông Đốc	
41	Tuyến đường vành đai khu vực thị trấn Sông Đốc	
42	Tuyến đường trục Bắc- Nam thị trấn Sông Đốc	
43	Tuyến đường trung tâm phía bờ Nam Sông Đốc	
44	Các tuyến đường trên đảo Hòn Khoai	
II	Lĩnh vực thủy lợi, đê biển, đê sông, bờ kè	
1	Các tuyến đê biển	
	<i>Củng cố, nâng cấp tuyến đê biển Tây</i>	
	<i>Xây dựng mới tuyến đê biển Đông</i>	
2	Các tuyến đê sông (29 tuyến đê)	
3	Xây dựng các tiêu vùng thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và thủy sản	
4	Nạo vét tuyến kênh xáng Bạc Liêu- Cà Mau	
5	Nạo vét tuyến sông Ông Đốc	
6	Nạo vét các tuyến đường thủy quốc gia trên địa bàn tỉnh	
7	Bờ kè chống sạt lở ven sông phường 2, phường 5, thành phố Cà Mau	Đang thi công
8	Bờ kè chống xói lở các khu dân cư ven sông thành phố Cà Mau	
9	Bờ kè chống xói lở khu dân cư thị trấn Năm Căn	
10	Bờ kè chống xói lở chợ Tân Tiến, huyện Đầm Dơi	
11	Trung tâm giống thủy sản cấp I (cấp vùng) tại huyện Ngọc Hiển	
12	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại cửa Rạch Gốc (cấp vùng)	
13	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cửa Khánh Hội	
14	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cửa Cái Đồi Vàm	
15	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cửa Bò Đê	
16	Dự án xây dựng hạ tầng sắp xếp dân cư khu vực rừng sản xuất U Minh Hạ	
17	Dự án Vườn quốc gia U Minh Hạ	
18	Dự án Vườn quốc gia Mũi Cà Mau	
19	Dự án phát triển vùng đệm Vườn quốc gia U Minh Hạ	
20	Dự án phát triển vùng đệm Vườn quốc gia Mũi Cà Mau	
21	Khu bảo tồn sinh thái biển vùng biển Cà Mau	
22	Dự án phát triển cộng đồng vùng rừng ngập mặn	
23	Dự án nuôi thủy hải sản mặt nước ven biển, đảo	
24	Dự án khôi phục và phát triển nuôi cá đồng	
25	Các dự án tái định cư sắp xếp di dân ngoài đê biển và trong khu vực rừng phòng hộ, đặc dụng	
26	Dự án các công trình hạ tầng đầu mối vùng nuôi tôm công nghiệp huyện Ngọc Hiển	

STT	DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH	Ghi chú
III	Lĩnh vực Công nghiệp, Điện, Dầu khí	
1	Dự án xây dựng hạ tầng Khu kinh tế Năm Căn	
2	Nhà máy Đạm Cà Mau	Đang thi công
3	Khu công nghiệp Khánh An	Đang đầu tư hạ tầng
4	Khu công nghiệp Hòa Trung	Đang đầu tư hạ tầng
5	Khu công nghiệp Năm Căn	
6	Khu công nghiệp Sông Đốc	Đang đầu tư hạ tầng
7	Hệ thống lưới truyền tải và phân phối điện trung thế và hạ thế	
8	Cụm dịch vụ và công nghiệp dầu khí	
9	Nhà máy sản xuất khí hóa lỏng tại Khánh An	
10	Nhà máy sản xuất Glyphotsat	
IV	Lĩnh vực cấp, thoát nước	
1	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Cà Mau	Đang đàm phán vốn ODA
2	Hệ thống cấp nước thị trấn Sông Đốc	Đang thi công
3	Hệ thống thoát nước thị trấn Sông Đốc	Đang thi công
4	Hệ thống cấp, thoát nước đô thị Năm Căn	
5	Hệ thống cấp nước các đô thị trung tâm huyện lỵ	
6	Hệ thống thoát nước các đô thị trung tâm huyện lỵ	
B	HẠ TẦNG XÃ HỘI	
I	Lĩnh vực kinh tế	
1	Bệnh viện Sản- Nhi tỉnh Cà Mau	
2	Bệnh viện Điều dưỡng phục hồi chức năng	
3	Bệnh viện Lao và các bệnh về phổi	
4	Bệnh viện Đông y	
5	Bệnh viện đa khoa khu vực Năm Căn	Đang thi công
6	Bệnh viện đa khoa khu vực Trần Văn Thời	nt
7	Bệnh viện đa khoa khu vực Đầm Dơi	nt
8	Bệnh viện đa khoa khu vực Cái Nước	nt
9	Bệnh viện đa khoa huyện Thới Bình	nt
10	Bệnh viện đa khoa huyện Phú Tân	nt
11	Bệnh viện đa khoa huyện U Minh	nt
12	Bệnh viện đa khoa huyện Ngọc Hiển	nt
13	Trung tâm Y tế các huyện, thành phố	Đang lập dự án
14	Dự án đầu tư trụ sở các trung tâm, Chi cục trực thuộc Sở Y tế	
II	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	
1	Trường Đại học Cà Mau	Đang lập Đề án
2	Trường Cao đẳng Y tế tỉnh Cà Mau	Sửa chữa, nâng cấp
3	Trường Trung cấp Kinh tế- Kỹ thuật tỉnh Cà Mau	Chuẩn bị XD cơ sở 2
4	Trường Cao đẳng Văn hóa Thể Thao và Du lịch	Chuẩn bị XD mới
5	Trường Cao đẳng Dạy nghề Việt- Hàn	Vốn ODA Hàn Quốc

STT	DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH	Ghi chú
6	Trường Cao đẳng Công nghệ Việt- Hàn	Vốn ODA Hàn Quốc
7	Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Cà Mau	
8	Chương trình kiên cố hóa trường lớp học giai đoạn 2 và nhà ở công vụ giáo viên	Đang thi công
9	Trường THPT chuyên Phan Ngọc Hiển	Chuẩn bị thi công
10	Xây dựng các trường Mầm non, Mẫu giáo trên địa bàn tỉnh	
11	Trường THPT Cà Mau	
12	Trường THPT Nguyễn Việt Khải	
13	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Cà Mau (giai đoạn 2)	
III	Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
1	Dự án đầu tư xây dựng “ Gian tưởng niệm Bác Hồ” tại TP.Cà Mau	
2	Nhà văn hóa trung tâm tỉnh Cà Mau	
3	Nhà thi đấu đa năng tỉnh Cà Mau	
4	Bảo tàng tỉnh Cà Mau	
5	Dự án tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử Đình Tân Hưng	
6	Dự án tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm chứng tích tội ác Mỹ Ngụy ở Biệt khu Hải Yên- Bình Hưng	
7	Đề án tôn tạo Khu căn cứ xứ ủy Nam bộ- Trung ương Cục miền Nam	
8	Quảng trường Văn hóa tỉnh Cà Mau	
9	Công viên Văn hóa- Du lịch tỉnh Cà Mau	
10	Khu liên hiệp thể dục thể thao Sông Đốc	
11	Trung tâm Văn hóa Thể thao các huyện, thành phố	
12	Trung tâm Văn hóa Thể thao các xã, phường, thị trấn	
13	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên	
14	Trung tâm văn hóa thiếu nhi các huyện	
15	Đầu tư, nâng cấp Khu Thể dục Thể thao tỉnh (P.9, TP.CM)	
16	Tượng đài Kỷ niệm chuyến tàu tập kết ra Bắc 1954	
17	Khán đài A- Sân vận động tỉnh Cà Mau	
18	Đầu tư nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các khu du lịch: U Minh hạ, Đất Mũi, Khai Long, Hòn Đá Bạc, Hòn Khoai, Đầm Thị Tường	
IV	Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội	
1	Trung tâm Giáo dục, Lao động và Xã Hội	Đang thi công
2	Trung tâm Bảo trợ Xã hội tỉnh Cà Mau	Đang thi công
3	Nghĩa trang Liệt sĩ Năm Căn	Đang thi công
4	Nghĩa trang 10 Liệt sĩ Hòn Khoai tỉnh Cà Mau	Đang lập dự án
5	Trung tâm điều dưỡng người có công	Đang lập dự án
C	HẠ TẦNG THUỘC CÁC LĨNH VỰC KHÁC	
1	Khu đô thị Trung tâm Hành chính- Chính trị tỉnh Cà Mau	Đang thi công
2	Đầu tư xây dựng hạ tầng 82 xã Nông thôn mới	Đang triển khai
3	Dự án nâng cấp đô thị thành phố Cà Mau (NUUP)	Vốn WB
4	Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Cà Mau	Đã phê duyệt Đề án

STT	DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH	Ghi chú
5	Các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng	Đang lập dự án
6	Nhà máy xử lý rác thải thành phố Cà Mau	Đã khởi công
7	Dự án xây dựng bãi rác tại thị trấn các huyện	
8	Hệ thống Trụ sở cơ quan hành chính nhà nước các cấp	
9	Trung tâm thương mại Cửu Long	Đã hoàn thành GD1
10	Siêu thị Coopmart	Đang thi công
11	Trung tâm thương mại P1, P2, P6 thành phố Cà Mau	
12	Trung tâm thương mại Năm Căn	
13	Chợ Trung tâm thị trấn Sông Đốc	
14	Hệ thống chợ nông thôn	
15	Các khu đô thị mới tại thành phố Cà Mau	
16	Các dự án tái định cư khu vực thành phố Cà Mau	
17	Quy hoạch chỉnh trang nhà ở ven sông, rạch nội ô thành phố Cà Mau	
18	Dự án xây dựng ký túc xá cho sinh viên	
19	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thông tin liên lạc	
20	Dự án nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Cà Mau	
21	Dự án nhà ở xã hội trên địa bàn huyện Năm Căn	
D	03 ĐÔ THỊ ĐỘNG LỰC	
1	Thành phố Cà Mau (Trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, giáo dục của vùng)	
2	Thị trấn Năm Căn (Trung tâm kinh tế biển, XNK hàng hóa của vùng)	
3	Thị trấn Sông Đốc (Dịch vụ kinh tế biển cho vùng)	
E	CÁC DỰ ÁN SẢN XUẤT, KINH DOANH	
1	Nhà máy đóng mới và sửa chữa tàu biển	
2	Nhà máy chế biến đồ gỗ	
3	Nhà máy sản xuất ván ép	
4	Xây dựng mới và đầu tư chiều sâu các nhà máy chế biến thủy sản	
5	Nhà máy lắp ráp đồ điện tử dân dụng tại thành phố Cà Mau	
6	Nhà máy chế biến cá hộp Sông Đốc	
7	Nhà máy cơ khí động cơ	
8	Nhà máy lắp máy vi tính và thiết bị ngoại vi tại thành phố Cà Mau	